

Hướng dẫn Giải bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trang 63, 64 SGK Toán 4: Đề-xi-mét vuông với lời giải chi tiết, rõ ràng giúp các em học sinh nắm được những kiến thức về cách vận dụng đơn vị Đề-xi-mét vuông để tính toán và biết cách giải các dạng bài tập thuộc dạng toán này nhanh nhất, mời các bạn cùng tham khảo ngay.

Giải Toán lớp 4 trang 63 bài 1 SGK

Đọc:

32 dm²

911 dm²

1952 dm²

492000 dm²

Phương pháp giải:

Để đọc số đo diện tích ta đọc số trước sau đó đọc tên của kí hiệu đơn vị đo diện tích đó.

Đáp án:

Các em đọc như sau:

32 (dm²) đọc là: Ba mươi hai đề-xi-mét vuông.

911 (dm²) đọc là: Chín trăm mười một đề-xi-mét-vuông.

1952 (dm²) đọc là: Một nghìn chín trăm năm mươi hai đề-xi-mét vuông.

492000 (dm²) đọc là: Bốn trăm chín mươi hai nghìn đề-xi-mét vuông.

Giải bài tập Toán lớp 4 SGK trang 63 bài 2

Viết theo mẫu

Đọc	Viết
Một trăm linh hai đề-xi-mét-vuông	
Tám trăm mười hai đề-xi-mét-vuông	

Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đề-xi-mét vuông	
Hai nghìn tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông	

Phương pháp giải:

Để đọc số đo diện tích ta đọc số trước sau đó đọc tên của kí hiệu đơn vị đo diện tích đó.

Đáp án:

Đọc	Viết
Một trăm linh hai đề-xi-mét-vuông	102 dm ²
Tám trăm mười hai đề-xi-mét-vuông	812 dm ²
Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đề-xi-mét vuông	1969 dm ²
Hai nghìn tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông	2812 dm ²

Giải Toán SGK lớp 4 trang 64 bài 3

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1 dm² = ... cm²

48dm² = cm²

1997dm² =....cm²

100cm² =dm²

2000cm²=...dm²

9900 cm² =...dm²

Phương pháp giải:

Dựa vào cách chuyển đổi: 1dm² = 100cm².

Đáp án:

1 (dm²) = 100 (cm²)

48 (dm²) = 4800 (cm²)

$$1997 \text{ (dm}^2\text{)} = 199700 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$100 \text{ (cm}^2\text{)} = 1 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$2000 \text{ (cm}^2\text{)} = 20 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$9900 \text{ (cm}^2\text{)} = 99 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Giải Toán lớp 4 bài 4 trang 64 SGK

>, <, =

$$210 \text{ (dm}^2\text{)} \dots 2 \text{ (dm}^2\text{)} 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$1954 \text{ (dm}^2\text{)} \dots 19 \text{ (dm}^2\text{)} 50 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$6 \text{ (dm}^2\text{)} 3 \text{ (cm}^2\text{)} \dots 603 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$2001 \text{ (cm}^2\text{)} \dots 20 \text{ (dm}^2\text{)} 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Phương pháp giải:

Đổi 2 về về cùng một đơn vị đo rồi so sánh kết quả.

Đáp án:

$$210 \text{ (dm}^2\text{)} = 2 \text{ (dm}^2\text{)} 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

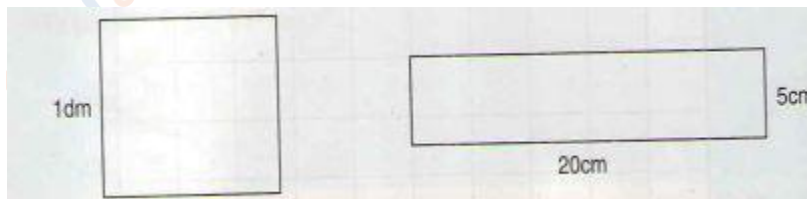
$$1954 \text{ (dm}^2\text{)} > 19 \text{ (dm}^2\text{)} 50 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$6 \text{ (dm}^2\text{)} 3 \text{ (cm}^2\text{)} = 603 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$2001 \text{ (cm}^2\text{)} < 20 \text{ (dm}^2\text{)} 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Giải bài 5 SGK Toán lớp 4 trang 64

Đúng ghi Đ, sai ghi S:



a) Hình vuông và hình chữ nhật có diện tích bằng nhau

b) Diện tích hình vuông và diện tích hình chữ nhật không bằng nhau

c) Hình vuông có diện tích lớn hơn diện tích hình chữ nhật

d) Hình chữ nhật có diện tích bé hơn diện tích hình vuông

Phương pháp giải:

Áp dụng các công thức:

Diện tích hình chữ nhật = chiều dài \times chiều rộng;

Diện tích hình vuông = cạnh \times cạnh.

Đáp án:

Học sinh có thể cắt ghép hình để so sánh trực tiếp hoặc tính diện tích của mỗi hình để so sánh chẳng hạn:

Diện tích hình chữ nhật là: $20 \times 5 = 100 \text{ cm}^2$

Diện tích hình vuông là: $1 \times 1 = 1 \text{ (dm}^2\text{)}; 1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$.

Ta có kết quả điền vào ô trống như sau:

a) Đ

b) S

c) S

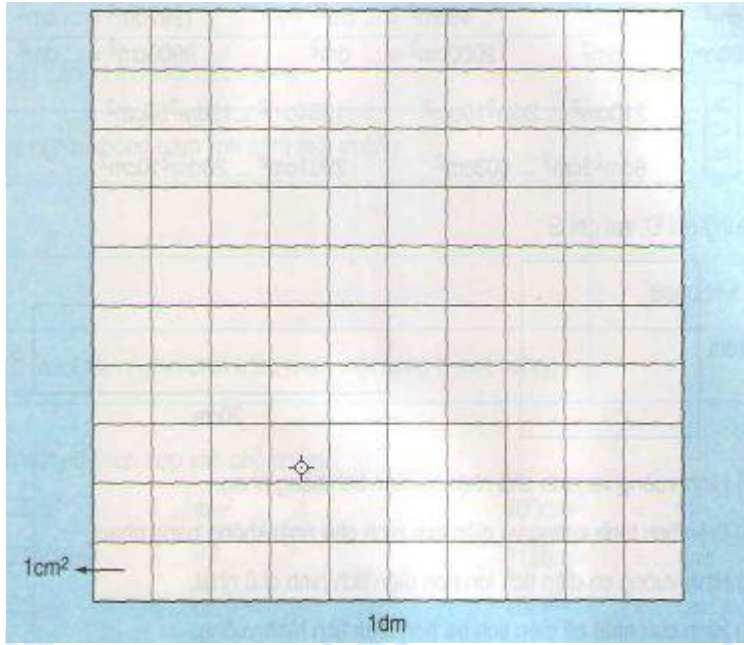
d) S

Ôn tập lý thuyết Đề-xi-mét vuông

Để đo diện tích người ta còn dùng đơn vị: đề-xi-mét vuông.

Đề-xi-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1dm.

Đề-xi-mét vuông viết tắt là dm^2 .



Ta thấy hình vuông 1 (dm²) gồm 100 hình vuông 1 (cm²)

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$$